

Số: /BC-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO
Công tác Bảo vệ môi trường năm 2024

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Văn bản số 467/HĐND ngày 19/9/2024 của Thường trực HĐND tỉnh về việc chuẩn bị nội dung Kỳ họp thường lệ cuối năm 2024 của HĐND tỉnh; tham mưu, đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 4727/STNMT-MT ngày 18/10/2024 (sau khi tổng hợp ý kiến của các Sở, ngành, địa phương liên quan); ý kiến đồng ý của các Thành viên UBND tỉnh qua phiếu biểu quyết. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh công tác Bảo vệ môi trường năm 2024 (số liệu đến ngày 30/9/2024), như sau:

I. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường

1. Hiện trạng và diễn biến các thành phần môi trường

Trên cơ sở mạng lưới quan trắc theo quy hoạch được duyệt, năm 2024 UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) tổ chức hoàn thành 04/06 đợt quan trắc chất lượng các thành phần môi trường (02 đợt còn lại hiện nay đang tiến hành). Kết quả chất lượng các thành phần môi trường như sau:

a) Chất lượng nước:

*** Nước mặt:**

Kết quả quan trắc phân tích môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh từ đầu năm 2024 đến nay được so sánh với QCVN 08:2023/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt) cho thấy về môi trường nước sông, hồ đang tồn tại một số hợp chất dinh dưỡng, hữu cơ, kim loại (Sắt, Mangan, Asen, Crom VI, Kẽm), Coliform,... vượt giới hạn cho phép qua một số đợt quan trắc, cụ thể:

- Các hồ, đập chứa nước có biểu hiện vượt quy chuẩn chủ yếu ở mức A bởi 10/24 thông số (pH, TSS, BOD₅, COD, Coliform, DO, Amoni, Sắt, Mangan, Photphat). Trong đó các thông số vượt quy chuẩn rải rác tại một số vị trí qua các đợt quan trắc như hồ Vực Trông (COD đợt 2); hồ Thiên Tượng (pH<6,5 đợt 1, đợt 4, Coliform đợt 3); đập dâng Vũ Quang (pH<6,5 đợt 1-4, TSS (đợt 1, đợt 4), DO đợt 1-4, COD (đợt 2, đợt 4), Sắt đợt 3-4); hồ thủy lợi Ngàn Trươi (pH<6,5, DO đợt 1-4, Sắt đợt 3-4, Mangan đợt 4); hồ Thượng Tuy (COD đợt 2); đập Đá Hàn (TSS đợt 1-4; COD đợt 3-4; Amoni đợt 2; Sắt đợt 1, đợt 2, đợt 4; Mangan đợt 4); hồ Đá Bạc (pH<6,5 đợt 1-3); hồ Kẻ Gỗ (COD đợt 2; Sắt đợt 2; Photphat đợt 4); hồ Bộc Nguyên (COD đợt 2); hồ Tàu Voi (BOD₅, Coliform đợt 2; COD đợt 2-4; TSS đợt 1-2); hồ Đá Hàn (Sắt đợt 4); hồ Mặc Khê (COD đợt 2-3; Coliform đợt 1-2); hồ Khe Trúc (COD đợt 2); đập Khe Hao (COD đợt 2;

Coliform đợt 4; Sắt và Mangan đợt 3-4); hồ Đá Cát (COD đợt 2; DO đợt 4); hồ Sông Rác (COD đợt 2; Coliform, Photphat đợt 4); hồ Xuân Hoa (COD và Coliform đợt 2); hồ Thượng Sông Trí, hồ Kim Sơn (COD đợt 2).

Một số hồ có mức vượt cao với nhiều thông số vượt quy chuẩn cho phép tại hầu hết các đợt quan trắc như hồ Bình Hà (TSS, BOD₅, COD, DO, Coliform, Mangan), hồ Bồng Sơn (pH>8,5, BOD₅, TSS, COD, Sắt, Mangan, Amoni), hồ Bình Sơn (BOD₅, COD, TSS, Coliform, Amoni, Sắt, Mangan, Photphat). Duy nhất vị trí quan trắc đập Nhà Đường có chất lượng nước tốt, không có các thông số vượt quy chuẩn qua các đợt quan trắc.

- Hệ thống sông Nghèn và phụ lưu có 11/24 thông số (pH, BOD₅, COD, DO, Coliform, Sắt, Asen, Kẽm, Amoni, Clorua, Florua) vượt quy chuẩn cho phép tại các vị trí, như: Kênh Nhà Lê tại cống Trung Lương (pH≤6,5, BOD₅ đợt 4; COD đợt 2, đợt 4; Coliform đợt 2, đợt 4; Sắt đợt 1, đợt 2, đợt 4), kênh Nhà Lê tại cầu Đức Thịnh I (BOD₅ đợt 4; Coliform đợt 1-3; Amoni đợt 1-3; COD, Sắt đợt 1-4; Mangan, Asen và Kẽm đợt 3), sông Én tại cầu Trù (DO đợt 4; COD đợt 1-3; Sắt đợt 1, đợt 3-4; Mangan đợt 1-4), sông Nghèn tại cầu Thuận Lộc (COD đợt 1-3; Coliform, Amoni đợt 1, đợt 3; Sắt, Mangan đợt 1-4), sông Nghèn tại cầu Thuận Thiện (Sắt đợt 1), sông Nghèn tại cống Đò Diệm (COD đợt 1-3; Coliform đợt 2; Mangan đợt 1-2), sông Nghèn tại cầu Cửa Sốt (BOD₅, Amoni đợt 2, đợt 4; COD, Sắt, Clorua đợt 1-4; DO đợt 3; Coliform đợt 1, đợt 2, đợt 4; florua đợt 1, đợt 4; Mangan đợt 2-3). Như vậy, vị trí tập trung nhiều thông số vượt quy chuẩn có kênh Nhà Lê tại cầu Đức Thịnh I, sông Nghèn tại cầu Thuận Lộc và sông Nghèn tại cầu Cửa Sốt.

- Hệ thống sông Quyền và phụ lưu có 05/24 thông số (COD, Coliform, Sắt, Florua, Clorua) vượt quy chuẩn cho phép tại hầu hết các vị trí quan trắc: Mẫu nước sông Quyền tại cầu Tây Yên (COD, Coliform đợt 1-3; Clorua đợt 4; Sắt đợt 1, đợt 3), sông Vĩnh tại điểm giao giữa Kỳ Hải và Kỳ Ninh (COD đợt 2; Coliform đợt 1; Sắt đợt 1, đợt 3-4; Clorua đợt 1-4; florua đợt 4), sông Trí tại cầu Kỳ Hưng (COD đợt 2; Clorua đợt 2-4; Sắt đợt 3; Coliform đợt 1-2), sông Quyền tại cảng cá Kỳ Hà (COD, Clorua đợt 1-4; Coliform đợt 1, đợt 3; Sắt và Florua đợt 1, đợt 3-4).

- Một số vị trí quan trắc trên hệ thống sông Ngàn Trươi và phụ lưu tại một số đợt quan trắc có 06/24 thông số (pH, DO, COD, Coliform, Amoni, Sắt) vượt quy chuẩn cho phép: Tại khe Trươi (pH≤6,5 đợt 1-3; DO đợt 1; COD đợt 4; Amoni đợt 3; Sắt đợt 2-4), tại trạm bơm cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Vũ Quang (pH≤6,5 đợt 3-4; DO đợt 1, đợt 4; Sắt đợt 3-4), sông Ngàn Trươi đoạn chảy qua xã Đức Liên (pH≤6,5 đợt 1; Coliform đợt 2, đợt 4; Amoni đợt 3; Sắt đợt 3-4).

- Sông Ngàn Sâu và phụ lưu có 03/24 thông số (pH≤6,5 đợt 3, Amoni đợt 3; Sắt đợt 4) vượt quy chuẩn cho phép, các thông số khác đều nằm trong quy chuẩn.

- Hệ thống sông Ngàn Phố và phụ lưu có 05/24 thông số (COD, Coliform, Sắt, Amoni, Photphat) vượt quy chuẩn cho phép: tại suối Rào An (COD đợt 2; Coliform đợt 4), suối Rào Mắc (Coliform đợt 1-2), suối Rào Qua tại điểm cấp nước cho thị trấn Tây Sơn (COD đợt 2; Coliform đợt 1; Photphat đợt 3), sông Ngàn Phố

đoạn cấp nước cho thị trấn Phố Châu (COD, Coliform đợt 1-2; Sắt đợt 1) và đoạn chảy qua xóm Tân Hồ (COD đợt 2; Coliform đợt 1, đợt 4; Amoni và Sắt đợt 1).

- Hệ thống sông La có 03/24 thông số (COD, Colirom, Sắt) vượt quy chuẩn cho phép qua các đợt quan trắc. Tại mẫu nước kênh 19/5 (COD đợt 4; Colirom đợt 1; Sắt đợt 1, đợt 4), tại cầu Linh Cảm II (Colirom đợt 1, đợt 3; Sắt đợt 1).

- Hệ thống các sông nhỏ có 10/24 thông số (DO, pH, BOD₅, COD, Coliform, Amoni, Sắt, Mangan, Clorua, Photphat) vượt quy chuẩn cho phép. Trong đó các thông số vượt quy chuẩn rải rác tại các vị trí qua các đợt quan trắc như sông Cày (BOD₅, COD đợt 1, đợt 2, đợt 4; DO đợt 1, đợt 4; Coliform, Clorua, Sắt đợt 1-4; Mangan đợt 1-3), sông Già (DO đợt 1, đợt 4; COD, Amoni đợt 1-2; Coliform đợt 1; Sắt đợt 1, đợt 2, đợt 4; Mangan đợt 1, đợt 4), sông Rào Cái (DO, BOD₅ đợt 4; COD đợt 2, đợt 4; Coliform, Sắt, Mangan, Clorua đợt 1-4; Amoni đợt 1-2), sông Cụt (BOD₅, COD, Coliform, DO, Amoni, Sắt, Mangan đợt 1-4; Clorua, photpphat đợt 3-4), sông Gia Hội (pH≤6,5 đợt 1, đợt 3; BOD₅, Coliform đợt 1-2; COD, Mangan đợt 1-4; Clorua đợt 4; Amoni, Sắt đợt 1-3), sông Nhà Lê (COD, Mangan đợt 1-3; Coliform, Amoni đợt 1-4; Sắt đợt 1, đợt 3, đợt 4), sông Mỹ Dương (BOD₅ đợt 1, đợt 4; COD, Mangan đợt 1-4; Coliform, Sắt đợt 1, đợt 3, đợt 4).

- Hệ thống các kênh mương có 09/24 thông số (pH, BOD₅, COD, Coliform, Sắt, Mangan, Amoni, Photphat, Crom VI) vượt quy chuẩn cho phép rải rác qua các đợt: tại khe Đá Hát (pH≤6,5 đợt 2; BOD₅, COD đợt 2-3; Coliform đợt 1-4; Amoni, Sắt đợt 3-4; Photphat đợt 3), khe Thanh Trạng (pH≤6,5 đợt 1, đợt 3; COD đợt 2; Cr VI đợt 4; Coliform đợt 3, đợt 4; Sắt đợt 1, đợt 3-4), khe Thầu Dầu (pH≤6,5 đợt 2-3; COD, Amoni đợt 2; Sắt đợt 4), khe Lau (COD đợt 2, đợt 4; BOD₅, Mangan đợt 3; Coliform đợt 1-4; Sắt đợt 3-4), kênh thoát lũ tại thôn Thắng Lợi (pH≤6,5, BOD₅ đợt 1; COD đợt 1, đợt 2, đợt 4; Sắt đợt 1-2; Coliform đợt 4), khe Nhà Trò (BOD₅ đợt 1; COD đợt 1-3; Sắt đợt 1, đợt 3; Mangan đợt 3; Photphat đợt 2-4).

** Nước dưới đất:*

Theo kết quả quan trắc từ đầu năm 2024 đến nay cho thấy, chất lượng nước dưới đất có biểu hiện vượt giới hạn cho phép của QCVN 09:2023/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất) bởi các thông số TDS, Permanganat, Amoni, Sắt, Mangan, Clorua, Độ cứng, Coliform và giảm giá trị pH tại một số vị trí quan trắc như: mẫu nước khu vực xã Đồng Môn; xã Thạch Trị; khu tái định cư mỏ Sắt Thạch Khê tại xã Đình Bàn; khu nuôi trồng thủy sản tại xã Hộ Độ; khu công nghiệp Hạ Vàng,... Riêng thông số Coliform xuất hiện vượt quy chuẩn tại hầu hết các vị trí quan trắc.

Trong các vị trí quan trắc, đáng lưu ý nhất là: mẫu nước khu vực xã Đồng Môn, xã Thạch Trị; khu nuôi trồng thủy sản xã Hộ Độ; khu tái định cư mỏ Sắt Thạch Khê tại xã Đình Bàn chất lượng nước có tần suất xuất hiện giá trị các thông số vượt ngưỡng TDS, Permanganat, Amoni, Clorua, Độ cứng, Coliform tại hầu hết các đợt quan trắc trong năm 2024. Đây là nguồn tiềm tàng có thể gây

nguy hại tới sức khỏe con người nếu nguồn nước này được sử dụng cung cấp cho sinh hoạt lâu dài.

** Nước biển ven bờ:*

Kết quả quan trắc qua 4 đợt so sánh với giới hạn cho phép theo QCVN 10:2023/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển) cho thấy chất lượng nước biển ven bờ trên địa bàn Hà Tĩnh đang vượt quy chuẩn các thông số Photphat, Amoni, Coliform, Mangan, Sắt, Đồng. Trong đó Coliform vượt chủ yếu xuất hiện vào đợt 3, các thông số còn lại xuất hiện chủ yếu vượt quy chuẩn vào đợt 2 tại biển Cửa Hội (Coliform), biển Cương Gián (Sắt), biển Cửa Sót (Coliform, Đồng, Photphat), bãi tắm Thạch Hải (Coliform, Sắt, Đồng), bãi tắm Thiên Cầm (Sắt, Amoni), biển Cửa Nhượng (Coliform, Sắt), biển Cẩm Hòa (Coliform, Sắt), bãi tắm Kỳ Ninh (Coliform), bãi tắm Kỳ Xuân (Coliform), Cửa khẩu xã Kỳ Ninh (Đồng), biển Vũng Môn (Photphat, Đồng), biển Vũng Áng cách cảng xuất nhập xăng dầu khoảng 1,0 km phía xa bờ (Coliform, Đồng).

b) Trầm tích:

Kết quả phân tích cho thấy tất cả các thông số kim loại khác (Cu, Zn, Cd, As, Cr) và hóa chất trừ sâu (chlordane, DDT, DDE, DDD, dieldrin, endrin, heptachlorepoxyde, lindan) trong trầm tích trên địa bàn Hà Tĩnh (quan trắc đợt 2 năm 2024) đang ở mức an toàn so với giới hạn cho phép theo QCVN 43:2017/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích).

c) Chất lượng không khí xung quanh:

Kết quả quan trắc qua 4 đợt trong năm 2024 cho thấy chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh cơ bản đáp ứng yêu cầu về chất lượng môi trường không khí xung quanh theo các quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

Hầu hết giá trị các thông số quan trắc đều thấp hơn quy chuẩn hiện hành. Trong 12 thông số quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh, chỉ có thông số TSP và tiếng ồn (mức âm tương đương) cao và vượt giới hạn cho phép chủ yếu tập trung ở các khu đô thị, điểm nút giao thông có phương tiện tham gia giao thông đông, khu vực khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hoạt động sản xuất, lưu lượng xe qua lại nhiều tại một số vị trí như công số 2 chợ Hà Tĩnh phường Nam Hà thành phố Hà Tĩnh, gần bến xe Hà Tĩnh mới (đoạn giao đường Hàm Nghi và đường tránh thành phố Hà Tĩnh), đường tránh thành phố Hà Tĩnh tại xã Thạch Long, ngã tư Hạ Vàng (đoạn giao quốc lộ 1A và đường An Vương), thị trấn Nghèn (đoạn giao giữa quốc lộ 1A và ĐT.548), ngã tư Đậu Liêu, ngã ba Gia Lách, khu công nghiệp Gia Lách, ngã ba quốc lộ 1A và đường tránh thành phố Hà Tĩnh tại xã Cẩm Vịnh, ngã ba Việt Lào, gần khu công nghiệp Phú Vinh, ngã ba Kỳ Văn (đoạn giao quốc lộ 1A và đường tránh thị xã Kỳ Anh), quốc lộ 1A giao với đường vào cổng chính Công ty Formosa.

d) Chất lượng đất:

Kết quả quan trắc phân tích 17 vị trí mẫu đất ở các khu vực khác nhau đại diện cho các loại hình tác động đến môi trường (như: tác động do các hoạt động sản xuất nông nghiệp, hoạt động nuôi trồng thủy sản, tác động bởi hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp,...) không có sự biến động nhiều giữa các vị

trí quan trắc và đều có hàm lượng thấp hơn giá trị giới hạn đối với từng mục đích sử dụng đất được quy định trong QCVN 03:2023/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất). Như vậy, có thể nhận định chất lượng đất trên địa bàn Hà Tĩnh đang tương đối tốt.

Nhìn chung, chất lượng các thành phần môi trường tự nhiên trên địa bàn tỉnh từ đầu năm 2024 đến nay không có nhiều biến động so với các năm trước. Phần lớn các thông số quan trắc đều ở ngưỡng thấp và nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép tương ứng. Một số thông số có ngưỡng cao hơn giá trị giới hạn cho phép tuy nhiên vẫn chưa ở mức đáng báo động. Những vị trí quan trắc chất lượng nước mặt và nước dưới đất có các thông số vượt giá trị giới hạn đều là những điểm ô nhiễm cục bộ từ các hoạt động công nghiệp, sản xuất kinh doanh, chăn nuôi, sinh hoạt, những khu vực có cấu trúc địa chất và thời tiết diễn biến bất thường như nắng nóng kéo dài, mưa lũ; chất lượng môi trường nước biển tại các điểm quan trắc khá ổn định. Rải rác một số vị trí có các thông số Sắt, Đồng, Amoni, Photphat, Coliform vượt ngưỡng giới hạn (tập trung tại các khu vực cửa biển, cửa sông, bãi tắm). Những vị trí chịu ảnh hưởng từ hoạt động công nghiệp (khu vực Vũng Áng) không có sự biến động rõ rệt và hầu hết các thông số phân tích đều đang nằm trong ngưỡng giá trị giới hạn cho phép.

2. Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học

Trên địa bàn tỉnh, hiện có 03 di sản thiên nhiên¹, gồm:

- Vườn Quốc gia Vũ Quang: Có tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp 57.030 ha; trong đó: diện tích đất có rừng đặc dụng² 52.733 ha, rừng phòng hộ 3.689 ha, rừng sản xuất 608 ha. Vườn Quốc gia Vũ Quang nằm trên địa bàn 3 huyện (Vũ Quang, Hương Sơn, Hương Khê); có 62 km tiếp giáp với nước bạn Lào, là nơi có tính đa dạng sinh học cao, kể cả về thực vật và động vật có nhiều loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm cần được bảo vệ như Sao La, Mang lớn, Voi, Hổ, Bò tót, Voọc vá chân nâu, Vượn má trắng... Năm 2019 Vườn Quốc gia Vũ Quang được Tổ chức ASEAN công nhận là “Vườn Di sản ASEAN”.

- Khu Bảo tồn thiên nhiên Kẽ Gỗ (khu dự trữ thiên nhiên) được xác lập theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; có tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp³ 41.607 ha, trong đó: diện tích rừng đặc dụng 21.768ha, rừng phòng hộ 16.328ha và rừng sản xuất 3.510ha. Khu Bảo tồn thiên nhiên Kẽ Gỗ nằm trên địa bàn 4 huyện (Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Kỳ Anh, Hương Khê), nơi đây lưu giữ nhiều nguồn gen quý hiếm phục vụ cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học như: Gà lôi lam đuôi trắng, gà lôi lam mào đen,

- Danh lam thắng cảnh Chùa và Hồ Thiên Tượng: được xác lập theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa (được Bộ Văn hóa - Thông tin, nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng là di tích Danh lam thắng cảnh cấp Quốc gia tại Quyết định số 02/QĐ-BVHTT ngày 19/01/2004). Trên dãy núi Hồng Lĩnh có nhiều danh lam thắng cảnh, trong đó Chùa Thiên Tượng thuộc tổ dân phố

¹ Đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

² Theo Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh.

³ Theo Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh.

Quỳnh Lâm, phường Trung Lương, Hồ Tiên Tượng (Suối Tiên) thuộc tổ dân phố 2, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh.

Với sự đa dạng các loại hình hệ sinh thái, Hà Tĩnh được đánh giá là một trong những tỉnh có mức độ đa dạng sinh học cao, phong phú về loài và nguồn gen.

II. Kết quả hoạt động bảo vệ môi trường

1. Kiểm soát nguồn ô nhiễm

a) Hiện trạng phát sinh chất thải và công tác quản lý đối với các dự án có phát sinh chất thải lớn:

*** Công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh (FHS):**

- *Nước thải:* Hệ thống xử lý nước thải đi vào vận hành chính thức từ ngày 23/7/2017 đến nay; tổng lượng nước thải chảy qua hồ sinh học 9 tháng đầu năm 2024 là 6.290.051m³, bình quân 21.604 m³/ngày đêm. Lượng nước thải đã thu hồi tái sử dụng trong 9 tháng đầu năm là khoảng 545.686m³.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh bình quân 0,56 tấn/ngày, FHS đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV chế biến rác thải sinh hoạt Hoàn Sơn tại xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh để thu gom, vận chuyển xử lý hàng ngày. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đã chuyển giao xử lý 9 tháng đầu năm 2024 là 146 tấn.

- *Chất thải nguy hại các loại:* Phát sinh khoảng 400-700 tấn/tháng (trong đó bùn thải của xưởng xử lý nước thải sinh hoá có khối lượng khoảng 300 tấn/tháng), FHS đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh tại xã Kỳ Tân - huyện Kỳ Anh để xử lý. Khối lượng chất thải rắn nguy hại đã chuyển giao xử lý 9 tháng đầu năm 2024 là 4.485 tấn, hiện đang lưu giữ tại kho khoảng 20 tấn.

- *Chất thải công nghiệp thông thường:* Phát sinh bình quân khoảng 10,5 tấn/ngày (chủ yếu là bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường dạng khác), FHS đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh để xử lý, 9 tháng đầu năm 2024 FHS đã chuyển giao xử lý 2.830 tấn, hiện đang lưu giữ tại kho khoảng 15 tấn.

- *Khí thải:* Được xử lý trước khi thải ra môi trường với tổng lượng khí thải phát sinh tại 20 ống khói bình quân khoảng 371 triệu m³/ngày (lưu lượng được tổng hợp thông qua hệ thống quan trắc tự động, liên tục).

- *Đối với các loại chất thải đã được hợp chuẩn, hợp quy làm sản phẩm:*

+ Xi hạt lò cao: Phát sinh bình quân 5.300 tấn/ngày (đã được hợp chuẩn làm phụ gia xi măng), 9 tháng đầu năm 2024 đã xuất khẩu và tiêu thụ trong nước với tổng khối lượng khoảng 1.432.542 tấn, hiện đang tồn kho lũy kế 165.188 tấn.

+ Tro bay tại Nhà máy Nhiệt điện: Phát sinh bình quân 100 tấn/ngày (đã được chứng nhận hợp quy và hợp chuẩn làm phụ gia khoáng cho xi măng), 9 tháng đầu năm 2024 đã tiêu thụ trong nước với khối lượng khoảng 26.772 tấn, hiện nay đang tồn kho lũy kế 522 tấn.

+ Thạch cao tại Nhà máy Nhiệt điện: Phát sinh bình quân 80 tấn/ngày (đã được chứng nhận hợp chuẩn để sản xuất xi măng), 9 tháng đầu năm 2024 đã bán trong nước khoảng 21.523 tấn, hiện đang tồn kho lũy kế khoảng 2.564 tấn.

+ Tro đáy tại Nhà máy Nhiệt điện: Phát sinh bình quân 8,5 tấn/ngày (đã được chứng nhận hợp chuẩn làm phụ gia khoáng cho xi măng), 9 tháng đầu năm 2024 tái sử dụng nội bộ (trộn với than và sử dụng tại tổ máy đốt than Nhà máy Nhiệt điện) 2.075 tấn, hiện đang lưu chứa trong kho khoảng 150 tấn.

+ Xi thép: Có 03 loại (xi lò chuyển, xi lò đúc và xi khử lưu huỳnh) đã được chứng nhận hợp chuẩn làm vật liệu san lấp, làm đường giao thông, phụ gia xi măng,...; xi thép các loại phát sinh bình quân 2.200 tấn/ngày, lưu giữ tại 03 bãi chứa (diện tích 4,6ha), 9 tháng đầu năm 2024 đã chuyển giao để sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng và phụ gia cho xi măng khoảng 518.307 tấn, hiện đang tồn kho lũy kế khoảng 459.380 tấn.

- *Đối với các loại bùn bụi khác:* Hiện đang lưu giữ tại các nhà kho trong khuôn viên nhà máy một số loại với khối lượng, như: Bùn lò cao khoảng 375.502 tấn, bụi đầu máy xường thiêu kết 35.152 tấn, gang xi 18.664 tấn,... Đối với một số loại bùn bụi khác (bùn lò cao, bụi lò vôi, bùn thiêu kết, bùn cán dây,... Công ty FHS đã tận dụng phối trộn với các loại nguyên liệu khác để quay lại quá trình sản xuất, lượng tồn kho không đáng kể.

Công ty FHS đã và đang duy trì hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải (04 trạm, giám sát từ 11-15 thông số), khí thải (24 trạm tại 20 ống khói, 02 lò đập cốc khô, 02 lò chuyển; giám sát 06 - 08 thông số), truyền dữ liệu trực tiếp về Sở TN&MT, Bộ Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý theo quy định.

*** Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh - Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1:**

Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 (gồm 2 tổ máy) với tổng công suất 1.200MW. Lượng chất thải phát sinh trong 9 tháng đầu năm 2024, gồm:

+ Nước thải sinh hoạt khoảng 19.180m³, nước làm mát 835.992.960m³, nước thải FGD khoảng 204.228.100m³. Nhà máy có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt bằng 11 thiết bị xử lý hợp khối MGB - JOKASO; nước thải công nghiệp sau xử lý được tái sử dụng cho hệ thống tro xỉ; nước làm mát và nước thải sau tháp hấp thụ của hệ thống khử lưu huỳnh trong khí thải (FGD) được sục khí và xả ra biển.

+ Hệ thống xử lý bụi, khí thải gồm: Hệ thống lọc bụi tĩnh điện (ESP), hệ thống khử NOx, hệ thống FGD (dùng nước biển); Khí thải sau khi xử lý được thải ra ngoài môi trường qua 02 ống khói cao 180m cho từng tổ máy. Khí thải phát sinh khoảng 19.230.138.791m³.

+ Tổng lượng tro xỉ phát sinh khoảng 560.833 tấn, khối lượng tiêu thụ khoảng 655.763 tấn, hiện đang tồn lưu (lũy kế) khoảng 1.112.960 tấn tại bãi chứa.

+ Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 176,622 tấn, chất thải rắn công nghiệp thông thường khoảng 91,89 tấn đang hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina vận chuyển xử lý; chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 234,233 tấn đang hợp đồng với Công ty CP Tư vấn xây dựng quản lý môi trường đô thị Kỳ Anh vận chuyển xử lý.

Công ty đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải (02 trạm, giám sát 10 thông số), khí thải (02 trạm, giám sát 10 thông số) và kết nối truyền dữ liệu trực tiếp về Sở TN&MT để theo dõi, quản lý theo quy định.

*** Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh:**

Nhà máy Bia Sài Gòn Hà Tĩnh hiện nay có công suất 70 triệu lít/năm. Trong 9 tháng đầu năm 2024, đã phát sinh và xử lý các loại chất thải:

- Nước thải 57.179 m³ (trung bình khoảng 210 m³/ngày đêm) có hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường, chất lượng nước thải sau xử lý đạt cột A - QCVN 40:2011/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp);

- 02 lò hơi đốt than với công suất 08 tấn hơi/giờ/lò (02 lò hoạt động độc lập, luân phiên nhau, khi lò này hoạt động thì lò còn lại để dự phòng, mỗi lò có hệ thống van chặn khói thải riêng), khí thải lò hơi được xử lý qua hệ thống (gồm 1 bộ hâm nước, 1 bộ sấy khí, 1 cyclon rũ bụi lắng xoáy (mỗi lò hơi được trang bị riêng) và bể xử lý bằng phương pháp hấp thụ để xử lý khí độc (2 lò hơi dùng chung 1 bể hấp thụ). Khí sau xử lý đạt Cột B - QCVN 19:2009/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ) sẽ thải ra ngoài qua ống khói cao 26m.

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 9,38 tấn đang hợp đồng với Hợp tác xã Môi trường xã Cẩm Thành thu gom vận chuyển; Chất thải nguy hại khoảng 1.353 kg và Chất thải công nghiệp thông thường (bùn thải và bột trợ lọc) khoảng 85,59 tấn đang hợp đồng với Công ty TNHH MTV Chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh vận chuyển xử lý.

Nhà máy đã lắp đặt hệ thống thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (01 trạm, giám sát 09 thông số) và truyền trực tiếp số liệu về Sở TN&MT để theo dõi, quản lý theo quy định.

b) Bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN), làng nghề:

** Đối với các KCN:*

Toàn tỉnh hiện có 06 KCN⁴; trong đó 03 KCN⁵ đi vào hoạt động với 23 dự án thứ cấp (17 dự án đã đi vào hoạt động, 06 dự án triển khai thực hiện)⁶.

- Về thực hiện hồ sơ, thủ tục môi trường: 05/06 KCN trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, 01 KCN (KCN Vinhomes Vũng Áng) mới thành lập⁷, hiện đang thực hiện các thủ tục bước tiếp theo; 02 KCN (KCN Gia Lách và KCN Vũng Áng I) đã được cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (giấy phép môi trường thành phần); 01 KCN (KCN Phú Vinh) hiện đang được Bộ Tài nguyên và môi trường thẩm định cấp Giấy phép môi trường.

- Về hiện trạng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường (BVMT): Trong 03 KCN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh hiện có KCN Phú Vinh đã cơ bản xây dựng hoàn thiện hạ tầng BVMT theo quy định, 02 KCN còn lại (KCN Vũng Áng 1, KCN Gia Lách) chưa đáp ứng yêu cầu, cụ thể:

⁴ KCN Vũng Áng 1, KCN Gia Lách, KCN Bắc Thạch Hà, KCN Vinhomes Vũng Áng, KCN Phú Vinh, KCN Hoàng Sơn.

⁵ KCN Vũng Áng 1, KCN Gia Lách, KCN Phú Vinh.

⁶ Theo báo cáo của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tại Văn bản số 1499/KKT-TNMT ngày 07/9/2024.

⁷ theo Quyết định số 639/QĐ-TTg ngày 13/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ

+ Hệ thống thu gom, thoát nước mưa: Có 02/03 KCN đã đi vào hoạt động đã xây dựng hệ thống thoát nước mưa theo quy hoạch (KCN Vũng Áng 1 và KCN Phú Vinh), 01 KCN còn lại (KCN Gia Lách) mới xây dựng một phần để phục vụ thu gom, thoát nước mưa trên diện tích đất đã có dự án đầu tư thứ cấp.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Có 03/03 KCN đi vào hoạt động đã xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải: Có 02/03 KCN đã đi vào hoạt động (KCN Phú Vinh và KCN Vũng Áng 1) đã xây dựng hồ sự cố môi trường.

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục: Hiện KCN Phú Vinh đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt nhưng chưa thực hiện kết nối, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường (do vướng mắc về thủ tục đầu tư). Các KCN còn lại chưa đầu tư, lắp đặt xong hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải. Liên quan đến nội dung này, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản chỉ đạo số 1167/UBND-NL₃ ngày 06/3/2024 về triển khai thực hiện các quy định, quy chế về hệ thống quan trắc tự động, liên tục; chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành các Văn bản (số 1684/STNMT-MT ngày 28/04/2023 và số 1964/STNMT-MT ngày 08/05/2024) rà soát, đôn đốc chủ đầu tư các dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã đi vào hoạt động có phát sinh nước thải thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động khẩn trương thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc tự động và kết nối, truyền số liệu chậm nhất là ngày 31/12/2024 theo quy định tại Điều 97 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

** Đối với các CCN:*

Theo Phương án phát triển CCN tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 thì Hà Tĩnh hiện có 21 CCN với tổng diện tích 542,11ha⁸, ngoài có 02 CCN không được đưa vào quy hoạch⁹. Trong 21 CCN đã được thành lập có: 10 CCN do doanh nghiệp làm chủ đầu tư¹⁰ với tổng diện tích quy hoạch là 287,07ha; 11 CCN do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư¹¹ với tổng diện tích quy hoạch là

⁸ Gồm: 373,78ha diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê; 168,19ha diện tích đã cho dự án thứ cấp thuê.

⁹ CCN Bắc Thạch Quý với diện tích 10ha nằm trong đô thị, gần khu dân cư nếu tiếp tục sản xuất sẽ gây ô nhiễm môi trường và CCN sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi, cung cấp giống bò sữa Sơn Lê với diện tích 62,87ha đã được UBND tỉnh giao cho Công ty Cổ phần Vinamilk Việt Nam triển khai thực hiện dự án chăn nuôi bò sữa, không phục vụ mục đích phát triển công nghiệp.

¹⁰ Gồm: CCN Công Khánh 1 - Công ty CP Đầu tư IDI; CCN Công Khánh 2 - Công ty CP Tập đoàn Hoàn Sơn; CCN Kỳ Hưng - Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Lợi Châu; CCN Xuân Lĩnh - Công ty TNHH Thanh Thành Đạt; CCN huyện Đức Thọ - Công ty CP Đầu tư GS Miền Trung; CCN Thái Yên - Công ty CP Đầu tư IDI; CCN huyện Can Lộc - Công ty CP đầu tư Tân Hà Đô; CCN Yên Huy - Công ty TNHH Yên Huy; CCN Thạch Bằng - Công ty CP Đầu tư Hưng Đại Việt, CCN Cẩm Nhượng - Công ty CP Ecoland; đến nay đã có 143 dự án/cơ sở thứ cấp; đạt tỷ lệ lấp đầy 25,97%.

¹¹ Gồm: CCN Thạch Đồng - UBND TP Hà Tĩnh; CCN Trung Lương - UBND TX Hồng Lĩnh, CCN Nam Hồng - UBND TX Hồng Lĩnh; CCN Kỳ Ninh - UBND TX Kỳ Anh; CCN Trường Sơn - UBND huyện Đức Thọ; CCN Phù Việt - UBND huyện Thạch Hà; CCN Bắc Cẩm Xuyên - UBND huyện Cẩm Xuyên; CCN Khe Cò - UBND huyện Hương Sơn; CCN Gia Phố - UBND huyện Hương Khê; CCN huyện Vũ Quang - UBND huyện Vũ

255,04ha; đến nay, 03 CCN chưa hoạt động¹² (chưa có dự án thứ cấp), 18 CCN đã đi vào hoạt động với 321 dự án/cơ sở sản xuất thứ cấp đăng ký¹³, đạt tỷ lệ lấp đầy trung bình gần 52,25%, giải quyết việc làm cho hơn 8.391 lao động¹⁴.

- Về đầu tư hạ tầng kỹ thuật BVMT: Trong 21 CCN đã được thành lập có 08 CCN đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung (trong đó có 03 CCN¹⁵ được ngân sách đầu tư và 05 CCN¹⁶ được doanh nghiệp đầu tư) tuy nhiên tại một số cụm¹⁷, hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung chưa đảm bảo theo quy định (mới có hồ điều hòa hoặc bể lắng, hệ thống thu gom nước thải chưa được thiết kế độc lập tách riêng với hệ thống thu gom thoát nước mưa,...), các hạ tầng kỹ thuật khác chưa được đầu tư đồng bộ; có 08 CCN¹⁸ có điểm tập kết chất thải rắn, 13 CCN không đầu tư điểm tập kết chất thải rắn tập trung; 11 CCN¹⁹ đã có dự án thứ cấp nhưng chưa hoàn thiện hạ tầng CCN. Có 03 CCN²⁰ có hệ thống xử lý nước thải đang trong quá trình xây dựng.

- Về hồ sơ, thủ tục môi trường: Trong 21 CCN có 15 CCN đã có hồ sơ thủ tục môi trường (Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án BVMT được phê duyệt), 06 CCN²¹ chưa có hồ sơ, thủ tục môi trường. Trong 08 CCN đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung, có 04 CCN²² đã có Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, 01 CCN²³ đã được cấp Giấy phép môi trường (theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020).

- Công tác BVMT tại các cơ sở sản xuất trong CCN: Phần lớn các dự án đầu tư vào CCN đều có bản Kế hoạch BVMT hoặc Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định. Một số CCN chưa có hạ tầng kỹ thuật BVMT theo quy định, chưa hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung tuy nhiên các cơ sở/dự án thứ cấp đều được yêu cầu đầu tư hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Về Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Trong 21 CCN chỉ có 01 CCN (Cổng Khánh 2) đã được xác nhận hoàn thành hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục và đã lắp đặt Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường. Liên quan đến nội dung này, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản chỉ đạo số 1167/UBND-NL₃ ngày 06/3/2024 về triển khai thực hiện các quy định, quy chế

Quang; CCN Thạch Kim - Ban QL CCN Lộc Hà; đến nay đã có 178 dự án/cơ sở thứ cấp; đạt tỷ lệ lấp đầy 62,17%.

¹² CCN Cẩm Nhung, CCN Thạch Bằng, CCN Cổng Khánh 1.

¹³ Trong đó có 310 dự án triển khai với 291 dự án đã đi vào hoạt động.

¹⁴ Theo báo cáo của Sở Công Thương tại Văn bản số 1972/SCT-QLCN ngày 08/10/2024.

¹⁵ CCN Thạch Kim, CCN Phù Việt, CCN Trung Lương.

¹⁶ CCN Kỳ Hưng, CCN Thái Yên, CCN Yên Huy, CCN Xuân Lĩnh, CCN Cổng Khánh 2.

¹⁷ CCN Phù Việt, CCN Trung Lương,...

¹⁸ CCN Thái Yên, CCN Kỳ Hưng, CCN Thạch Kim, CCN Phù Việt, CCN Trung Lương, CCN Cổng Khánh 2, CCN Yên Huy, CCN Xuân Lĩnh.

¹⁹ CCN Thạch Đồng, CCN Nam Hồng, CCN Kỳ Ninh, CCN Trường Sơn, CCN Phù Việt, CCN Bắc Cẩm Xuyên, CCN Khe Cò, CCN Gia Phố, CCN huyện Vũ Quang, CCN huyện Đức, CCN huyện Can Lộc.

²⁰ CCN huyện Đức Thọ, CCN Cổng Khánh 1, CCN Bắc Cẩm Xuyên.

²¹ CCN Khe Cò, CCN Phù Việt, CCN Kỳ Ninh, CCN Gia Phố, CCN Kỳ Ninh, CCN Thạch Bằng.

²² CCN Thái Yên (GPXT số 187/GP-STNMT ngày 02/7/2018 của Sở TN&MT); CCN Kỳ Hưng (GPXT số 1747/GP-UBND ngày 09/06/2020 của UBND tỉnh); CCN Yên Huy, (GPXT số 1965/GP-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh); CCN Xuân Lĩnh (GPXT số 4099/GP-UBND ngày 01/12/2020 của UBND tỉnh).

²³ CCN Cổng Khánh 2.

về hệ thống quan trắc tự động, liên tục; chỉ đạo Sở TN&MT ban hành các Văn bản (số 1684/STNMT-MT ngày 28/04/2023 và số 1964/STNMT-MT ngày 08/05/2024) rà soát, đôn đốc chủ đầu tư các dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động có phát sinh nước thải thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động khẩn trương thực hiện lắp đặt hoàn thành hệ thống quan trắc tự động và kết nối, truyền số liệu chậm nhất là ngày 31/12/2024 theo quy định tại Điều 97 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Trên cơ sở Báo cáo kiểm toán hoạt động công tác quản lý, bảo vệ môi trường đối với các cụm công nghiệp và làng nghề của tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2020 - 2022 của Kiểm toán Nhà nước gửi kèm theo Văn bản số 293/KTNN-TH ngày 29/12/2023; UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 2686/UBND-KT₁ ngày 15/5/2024 chỉ đạo “*chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng CCN thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 1 Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, trong đó tập trung: Chủ động rà soát, đề xuất giải pháp, nguồn vốn, bố trí nguồn lực xây dựng và quản lý, vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho CCN theo đúng quy định; Không tiếp nhận thêm dự án đầu tư mới hoặc nâng công suất dự án đang hoạt động có phát sinh nước thải sản xuất trong CCN nếu không có hoặc không đáp ứng một trong các yêu cầu về hạ tầng bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ...*”. Hiện các địa phương, đơn vị đang khẩn trương rà soát, thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 2686/UBND-KT₁ ngày 15/5/2024.

(Tổng hợp số liệu về các KCN, CCN chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

* *Đối với làng nghề*: Hà Tĩnh hiện có 08 làng nghề²⁴ truyền thống, 06 làng nghề²⁵ đã được công nhận. Các làng nghề đã góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập, đóng góp tích cực vào xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Theo báo cáo của các địa phương, nhiều cơ sở sản xuất tại các làng nghề đã thực hiện thủ tục môi trường, có công trình biện pháp xử lý chất thải theo quy định; tuy nhiên công tác BVMT tại các làng nghề còn một số bất cập, hạn chế: hầu hết các làng nghề đều nằm xen lẫn trong khu dân cư; hạ tầng thu gom xử lý nước thải, khí thải chưa đảm bảo,... đặc biệt thực tế hiện nay có làng nghề quy mô thu hẹp dần, hạ tầng về BVMT chưa đảm bảo các yêu cầu²⁶ theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; UBND tỉnh đang

²⁴ Làng mộc Thái Yên (xã Thanh Bình Thịnh, huyện Đức Thọ); Làng mộc Trảng Đình (xã Khánh Vĩnh Yên, huyện Can Lộc); Làng rèn đúc Trung Lương (phường Trung Lương, TX Hồng Lĩnh); Làng nghề chổi dót Hà Ân (xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà); Làng nghề đóng thuyền Trường Sơn (xã Trường Sơn, huyện Đức Thọ); Làng nghề bánh đa nem thôn Bình (xã Thạch Hưng, TP Hà Tĩnh); Làng nghề làm bún Đại Lự (xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà); Làng nghề nón lá Ba Giang (xã Việt Tiến, huyện Thạch Hà).

²⁵ Làng nghề đan lát thôn Nam Giang (xã Thạch Long, huyện Thạch Hà); Làng nghề đan lát Phú Quý (xã Thạch Liên, huyện Thạch Hà); Làng nghề sản xuất muối thôn Châu Hạ (xã Thạch Châu, huyện Lộc Hà); Làng nghề làm hương Báo Ân (xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà); Làng nghề hoa cây cảnh Bắc Sơn (xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà); Làng nghề chế tác trầm hương thôn 8 (xã Phúc Trạch, huyện Hương Khê).

²⁶ Làng rèn đúc Trung Lương, Làng nghề đóng thuyền Trường Sơn.

chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các địa phương kiểm tra rà soát tham mưu đề xuất UBND tỉnh thu hồi bằng công nhận đối với làng nghề và làng nghề truyền thống không đáp ứng tiêu chí công nhận làng nghề theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý chất thải rắn

a) Quản lý chất thải rắn (CTR) sinh hoạt:

Toàn tỉnh hiện nay có 13 khu xử lý CTR sinh hoạt đang hoạt động với 3 loại hình công nghệ (3 nhà máy, 4 bãi chôn lấp và 6 lò đốt độc lập), cụ thể:

- Xử lý bằng công nghệ đốt và chế biến phân hữu cơ tại 03 nhà máy: ở xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên; ở xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh và thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc.

- Xử lý bằng công nghệ đốt tại 06 lò đốt độc lập: ở xã Thạch Lạc - Thạch Trị, huyện Thạch Hà; ở xã Cương Gián và xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân; ở thị trấn Phố Châu - huyện Hương Sơn; ở xã Hương Thủy, huyện Hương Khê và ở xã Đức Hương, huyện Vũ Quang.

- Xử lý chôn lấp tại 04 bãi chôn lấp: ở xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà; ở phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh; ở thị trấn Tây Sơn, huyện Hương Sơn và ở thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang.

Theo báo cáo của các địa phương và kết quả theo dõi tổng hợp 9 tháng đầu năm 2024, lượng CTR sinh hoạt phát sinh khoảng **744,1 tấn/ngày**, trong đó lượng được thu gom khoảng 708,1 tấn/ngày, đạt khoảng 95,2%, lượng còn lại chưa được thu gom khoảng 36 tấn/ngày, chiếm 4,8%. Trong khối lượng CTR sinh hoạt được thu gom thì lượng CTR sinh hoạt được xử lý đúng quy định khoảng **672,1 tấn/ngày**, đạt **tỷ lệ 94,9%** so với lượng CTR sinh hoạt thu gom (đạt tỷ lệ 90,4% so với lượng CTR sinh hoạt phát sinh 744,1 tấn/ngày); lượng rác còn lại chưa được thu gom là khoảng 4,8% và tỷ lệ rác được thu gom nhưng xử lý chưa đúng quy định (đốt và chôn lấp không đúng quy định tại các điểm trung chuyển) khoảng 5,4%.

Để quản lý CTR sinh hoạt trên địa bàn, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2770/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 phê duyệt Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo; Sở Tài nguyên và Môi trường cũng đã tham mưu UBND tỉnh văn bản đôn đốc triển khai thực hiện Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt tại Văn bản số 2864/STNMT-MT ngày 01/7/2024, theo đó đã chỉ đạo các ngành, địa phương triển khai thực hiện Đề án, tập trung các giải pháp hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải CTR, hình thành khu xử lý CTR sinh hoạt tập trung quy mô liên huyện, công nghệ hiện đại, tiên tiến (UBND tỉnh đã chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư nhà máy điện rác tại Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 11/7/2024); giảm dần và tiến tới loại bỏ các công nghệ xử lý lạc hậu; đẩy mạnh việc phân loại và xử lý rác thải hữu cơ tại nguồn (quy mô hộ gia đình, quy mô tập trung) bằng chế phẩm sinh học sản xuất phân hữu cơ vi sinh, góp phần xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn NTM năm 2025.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 2922/UBND-NL₃ ngày 24/5/2024 về tăng cường công tác quản lý CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; Kế

hoạch số 204/KH-UBND ngày 17/5/2024 về triển khai thực hiện Phân CTR sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và Sở TN&MT đã có Văn bản số 2764/UBND-MT ngày 26/6/2024 về hướng dẫn thực hiện phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh...

b) Quản lý chất thải y tế, chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp thông thường:

- *Đối với chất thải y tế:* Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 10 bệnh viện (gồm: 06 bệnh viện tuyến tỉnh, 01 bệnh viện đa khoa tuyến huyện, 03 bệnh viện đa khoa ngoài công lập), 01 Trung tâm y tế tuyến huyện không chức năng khám chữa bệnh và 13 Trung tâm y tế tuyến huyện có chức năng khám chữa bệnh; 216 trạm y tế tuyến xã/phường/thị trấn; 04 phòng khám đa khoa công lập và 249 phòng khám ngoài công lập²⁷.

+ Về chất thải rắn y tế: Lượng chất thải rắn phát sinh tại các cơ sở y tế khoảng 6.975kg/ngày (tương ứng 2.545 tấn/năm), trong đó chất thải y tế nguy hại khoảng 675kg/ngày (tương ứng 246 tấn/năm)²⁸. Việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh đang thực hiện theo Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh và Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế: 19 Bệnh viện/Trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh đã hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh; 01 Trung tâm y tế²⁹ xử lý tại chỗ bằng lò đốt chất thải y tế; 03 Bệnh viện/Trung tâm³⁰ xử lý bằng công nghệ hấp ướt theo mô hình xử lý chất thải cụm cơ sở y tế. Các trạm y tế xã vận chuyển chất thải y tế nguy hại về Trung tâm y tế để xử lý hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

+ Về nước thải y tế: Hiện 23/23 Bệnh viện/Trung tâm y tế có chức năng khám chữa bệnh đều đã có hệ thống xử lý nước thải và thực hiện quan trắc môi trường nước thải theo quy định. Có 22/23 đơn vị có kết quả quan trắc các thông số nước thải đầu ra đạt Cột B - QCVN 28:2010/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế); chỉ có Trung tâm y tế thành phố Hà Tĩnh hệ thống xử lý nước thải y tế bị xuống cấp, hoạt động không hiệu quả (có 02 thông số nước thải đầu ra vượt giá trị giới hạn tại Cột B - QCVN 28:2010/BTNMT), Trung tâm đã báo cáo cơ quan quản lý để có biện pháp sửa chữa, nâng cấp và đang tiến hành các thủ tục để cải tạo, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải y tế. Đối với các trạm y tế cấp xã/phường/thị trấn và các phòng khám ngoài công lập khác hầu như nước thải được thải vào hệ thống bể tự hoại sau đó thải ra theo hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- *Đối với chất thải nguy hại (CTNH):* Thời gian qua trên địa bàn tỉnh đã cấp 279 sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH, 57 Giấy phép môi trường cho các chủ đầu tư dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh với tổng khối lượng CTNH đăng ký khoảng hơn 14.000 tấn/năm (bao gồm các đơn vị đã nêu ở điểm a, mục 1 phần II), theo đó các đơn vị này chủ động liên hệ với đơn vị có chức năng thu

²⁷ Theo báo cáo của Sở Y tế tại Văn bản số 2910/SYT-KHTC ngày 04/10/2024.

²⁸ Theo báo cáo của Sở Y tế tại Văn bản số 2910/SYT-KHTC ngày 04/10/2024.

²⁹ Trung tâm y tế huyện Vũ Quang.

³⁰ Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm y tế huyện Hương Sơn và Trung tâm y tế thị xã Hồng Lĩnh.

gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định. Đối với các cơ sở phát sinh khối lượng CTNH ít như cơ sở sửa chữa xe máy, cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản vật liệu thông thường,... thực hiện theo Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 02/7/2021 của UBND tỉnh về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại cho các cơ sở phát sinh khối lượng chất thải nguy hại < 600 kg/năm.

- *Đối với CTR công nghiệp thông thường*: Theo thông kê chưa đầy đủ thì lượng CTR công nghiệp phát sinh trên địa bàn tỉnh năm 2024 khoảng hơn 03 triệu tấn/năm. Trong đó, Công ty FHS và Công ty Điện lực dầu khí Hà Tĩnh là 02 đơn vị phát sinh khối lượng CTR công nghiệp lớn nhất (chiếm hơn 99% lượng chất thải phát sinh). Các loại CTR công nghiệp, CTNH phát sinh tại các đơn vị nêu trên được quản lý, lưu giữ, chuyên giao cho các đơn vị có năng lực xử lý theo quy định.

Hà Tĩnh hiện có 01 nhà máy xử lý chất thải công nghiệp tại xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh của Công ty TNHH MTV chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh đi vào hoạt động từ tháng 9/2016 (công suất 1.060 tấn/ngày), đã điều chỉnh lên 2.060 tấn/ngày đêm (Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND tỉnh). Nhà máy đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (lần thứ 3) ngày 02/6/2021.

3. Kết quả triển khai các dự án xử lý ô nhiễm môi trường

Theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật (BVTV) tồn lưu trên phạm vi cả nước, Hà Tĩnh có 11 điểm tồn lưu nằm trong danh mục xử lý. Thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện, đến nay 06/11 điểm tồn lưu đã được xử lý, 05 điểm còn lại chưa hoàn thành xử lý do chưa bố trí được kinh phí. Năm 2015, qua điều tra tổng thể hiện trạng tồn lưu hoá chất BVTV, đã phát hiện bổ sung thêm 18 điểm ô nhiễm không thuộc Quyết định 1946/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Văn bản số 1927/STNMT-MT ngày 22/6/2020 báo cáo Tổng cục Môi trường đề nghị bổ sung vào danh mục để ưu tiên xử lý giai đoạn 2022-2025, nhưng đến nay chưa được bố trí kinh phí để xử lý.

4. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học

Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 18/7/2018) đã được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022; theo đó UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 bãi bỏ Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 18/7/2018.

Thực hiện Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 588/KH-UBND ngày 29/12/2023 về việc bảo tồn đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh. Theo đó, để triển khai thực hiện các nội dung tại Kế hoạch số 588/KH-UBND ngày 29/12/2023, UBND tỉnh đã chỉ đạo

Sở TN&MT ban hành Văn bản số 729/STNMT-MT ngày 21/02/2024 gửi các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, các đơn vị chủ rừng trên địa bàn triển khai thực hiện.

Ngoài ra, để đảm bảo thực thi nghiêm Luật Đa dạng sinh học năm 2008, Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Chủ động ứng phó với Biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”; Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 23/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách quản lý loài động vật hoang dã; Chỉ thị số 42/CT-TTg ngày 08/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, kiểm soát loài ngoại lai xâm hại và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 17/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để bảo tồn chim hoang dã, di cư tại Việt Nam, UBND tỉnh đã ban hành các Văn bản số 1461/UBND-NL₃ ngày 19/3/2024, số 2735/UBND-NL₄ ngày 17/5/2024 về triển khai các văn bản thuộc lĩnh vực Đa dạng sinh học, chỉ đạo các sở ban ngành địa phương triển khai thực hiện, các đơn vị quản lý khu rừng đặc dụng (Vườn Quốc gia Vũ Quang và Khu Bảo tồn thiên nhiên Kẻ Gỗ) tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt bảo tồn đa dạng sinh học, nhất là bảo vệ các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm, được ưu tiên bảo vệ.

(Số liệu về di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học tại Phụ lục III kèm theo)

5. Thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới (NTM)

Năm 2024, UBND tỉnh ban hành đã ban hành Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của các Bộ tiêu chí ban hành kèm theo Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND và Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh; ban hành các Văn bản số 84/TB-UBND ngày 28/02/2024 và số 3648/UBND-NL₅ ngày 27/6/2024 chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tăng cường chỉ đạo, tập trung hoàn thành các nhiệm vụ năm 2024 theo lộ trình, kế hoạch hoàn thành tỉnh NTM và đạt mục tiêu tỉnh đạt chuẩn NTM năm 2025 tại Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 về kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025”. Liên quan đến tiêu chí Môi trường, Sở TN&MT đã ban hành các Văn bản (số 1460/STNM-MT ngày 05/4/2024, số 2936/STNMT-MT ngày 04/7/2024) để chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tập trung hoàn thiện các nội dung tiêu chí cấp xã, cấp huyện theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu và Bộ tiêu chí huyện NTM, huyện NTM nâng cao. Đồng thời, Sở TN&MT đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các nội dung tiêu chí, tổng hợp đề xuất chính sách, kinh phí thực hiện hỗ trợ các nội dung của tiêu chí Môi trường trong xây dựng NTM, như: xây dựng kế hoạch, rà soát, thẩm định chính sách hỗ trợ công trình xử lý nước thải sinh hoạt theo Điều 4 Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh; văn bản hướng dẫn thực hiện tiêu chí Môi trường trong Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; trong Bộ tiêu chí huyện NTM, huyện NTM nâng cao thực

hiện trên địa bàn tỉnh; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, khắc phục nội dung, báo cáo kết quả kiểm tra, thẩm định tiêu chí Môi trường, Chất lượng môi trường sống các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, kiểu mẫu,... Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức các cuộc kiểm tra, thẩm định tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới cho các xã và thẩm tra huyện Lộc Hà và Kỳ Anh đạt chuẩn huyện NTM. Đến nay, toàn tỉnh có 181/181 xã đạt xã NTM (100%), 65 xã đạt xã NTM nâng cao (35,9%) và 17 xã NTM kiểu mẫu (9,4%); 10 huyện, thành phố đạt chuẩn/hoàn thành NTM (76,9%); 03 đơn vị (thị xã Hồng Lĩnh, thị xã Kỳ Anh, huyện Hương Khê) có 100% xã đạt chuẩn NTM; trong đó, 9 tháng đầu năm 2024 có thêm huyện Lộc Hà và Kỳ Anh được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM, 05 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 02 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

Về thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025”, kết quả đạt được cụ thể như sau:

- Tỷ lệ hộ dân khu vực nông thôn thực hiện phân loại rác tại nguồn \geq 80%: Theo tổng hợp báo cáo từ các địa phương, năm 2024, có khoảng 280.924/377.889 hộ thực hiện phân loại rác (đạt tỷ lệ 74,3%); trong đó, có 166.608 hộ có công trình, biện pháp xử lý chất thải thực phẩm tại hộ và có 30 mô hình xử lý chất thải thực phẩm tập trung; tổng lượng chất thải thực phẩm sau phân loại và tự xử lý tại hộ gia đình khoảng 227,0 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 30,5% lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (744,1 tấn/ngày).

- Đối với yêu cầu 35% số hộ gia đình có biện pháp thu gom và xử lý nước thải phù hợp, hiệu quả: Theo thống kê đến nay, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nông thôn ước tính khoảng 83.000m³/ngày, đêm; các địa phương đã xây dựng, kiên cố hóa hệ thống mương thu gom, tiêu thoát nước thải tại các khu dân cư; toàn tỉnh có 98,9% số xã đã có hệ thống thu gom dẫn nước thải trong khu dân cư tập trung theo quy hoạch. Toàn tỉnh có 17 mô hình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại 09 địa phương (Đức Thọ, Can Lộc, Lộc Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh, Nghi Xuân, Thạch Hà, thị xã Kỳ Anh và thị xã Hồng Lĩnh). Đối với quy mô hộ gia đình tại 13/13 huyện, thị xã, thành phố đã triển khai theo 2 hình thức (bể composite và bể lắng lọc bê tông 3 ngăn/3 bi); theo tổng hợp, toàn tỉnh có khoảng 99.592 hộ/372.346 hộ dân cư nông thôn có công trình thu gom, xử lý nước thải, chiếm 26,7%.

III. Xây dựng chính sách, giải quyết thủ tục hành chính, giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường

1. Xây dựng chính sách, hướng dẫn tổ chức thực hiện

Trong năm 2024, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 17/5/2024 về triển khai thực hiện Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu dự thảo Quyết định ban hành Quy định quản lý CTR xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh (Dự thảo quyết định Sở Tư pháp đã thẩm định, UBND tỉnh đang xem xét) và trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 133/2024/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 sửa đổi, bổ

sung một số điều của Nghị quyết 97/2022/NQ-HĐND về một số chính sách hỗ trợ hoạt động BVMT giai đoạn 2023-2025.

Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu quy định Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh (dự thảo đang trong giai đoạn lấy ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan).

2. Giải quyết thủ tục hành chính

a) *Công tác thẩm định các hồ sơ về lĩnh vực môi trường*: Tính đến ngày 30/9/2024, hồ sơ về lĩnh vực môi trường tiếp nhận qua bộ phận “một cửa” - Trung tâm hành chính công tỉnh là 175 hồ sơ³¹ (trong đó 100% hồ sơ dịch vụ công toàn trình). UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt 142 hồ sơ³² đúng và trước hạn, trả không giải quyết và rút 10 hồ sơ³³, các hồ sơ còn lại đang trong quá trình xử lý theo quy định, không có hồ sơ quá hạn. UBND cấp huyện³⁴ đã tiếp nhận (qua Trung tâm hành chính công cấp huyện), thẩm định và cấp Giấy phép môi trường cho 34 hồ sơ của các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền.

b) *Thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp*: Thực hiện Nghị định 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ về phí BVMT đối với nước thải công nghiệp; 9 tháng đầu năm 2024, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp tục đôn đốc rà soát, hướng dẫn, kiểm tra và thẩm định các đơn vị kê khai nộp phí với tổng số tiền hơn 14,3 tỷ đồng.

c) *Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường*: Ngày 06/4/2015, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1132/QĐ-UBND về việc thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Tĩnh, theo đó đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức bàn giao ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường cho Quỹ BVMT tỉnh. Đến nay đã có 186 đơn vị khai thác khoáng sản nộp tiền ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường với tổng số tiền³⁵ (tính lũy kế đến ngày 30/9/2024) là gần 70,3 tỷ đồng; việc chi trả sau khi hoàn thành CTPHMT hơn 9,5 tỷ đồng cho 49 đơn vị (riêng năm 2024 thu được hơn 8,12 tỷ đồng, chi trả gần 1,18 tỷ đồng).

3. Kết quả kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường:

- *Đối với Dự án Formosa (FHS)*:

Trong 9 tháng đầu năm 2024, Tổ giám sát BVMT của tỉnh tại Dự án Formosa (được kiện toàn tại Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 03/01/2024) đã phối hợp với Tổ giám sát BVMT tại Dự án Formosa của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra, giám sát, chủ yếu thực hiện cơ chế giám sát từ xa, thông qua theo dõi nắm bắt thông tin và qua Hệ thống quan trắc tự động liên tục (nước thải, khí thải), cùng với đó đã tổ chức kiểm tra, đánh giá nâng cấp các trạm quan trắc tại FHS theo Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; kết

³¹ 102 hồ sơ ĐTM, 54 hồ sơ cấp GPMT, 19 hồ sơ thu phí BVMT đối với NTCN.

³² 89 hồ sơ ĐTM, 35 hồ sơ cấp GPMT, 18 hồ sơ thu phí BVMT đối với NTCN.

³³ 05 hồ sơ ĐTM, 04 hồ sơ cấp GPMT, 01 hồ sơ thu phí BVMT đối với NTCN.

³⁴ UBND các huyện: Đức Thọ, Hương Sơn, Lộc Hà, Nghi Xuân, Thạch Hà, Cẩm Xuyên; UBND thị xã: Hồng Lĩnh, Kỳ Anh; UBND thành phố Hà Tĩnh.

³⁵ Theo báo cáo của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh tại Văn bản số 124/QBVM ngày 04/10/2024.

quả đến nay các trạm cơ bản đã hoàn thành việc nâng cấp. Tổ giám sát của tỉnh đã chủ động bố trí các thành viên trực, theo dõi chặt chẽ trong các ngày nghỉ lễ, tết (như Tết nguyên đán Quý Mão, ngày lễ 30/4 - 01/5/2024, ngày Quốc khánh 02/9/2024). Kết quả giám sát của Tổ giám sát, kết quả quan trắc của Viện Công nghệ và Môi trường định kỳ tại dự án (01 quý/lần) và theo dõi trên hệ thống quan trắc tự động nước thải, khí thải cho thấy chất lượng nước thải, khí thải ra môi trường nằm trong giới hạn cho phép.

- *Đối với Dự án Nhà máy Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh và Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1:*

Qua hoạt động kiểm tra, giám sát, báo cáo quan trắc định kỳ và theo dõi hệ thống thiết bị quan trắc tự động tại dự án thấy rằng các đơn vị đã tuân thủ quy định pháp luật về BVMT, chất lượng nước thải, khí thải ra môi trường nằm trong giới hạn cho phép.

- *Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh khác:*

Ngày 03/5/2024 UBND tỉnh đã có Quyết định số 1119/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT năm 2024 đối với 13 đơn vị. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành các Quyết định số 239/QĐ-STNMT ngày 10/8/2024 và số 278/QĐ-STNMT ngày 05/9/2024 thành lập đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT đối với 07 cơ sở (04 CCN và 03 cơ sở chăn nuôi), hiện đang tiếp tục thực hiện kiểm tra đối với các cơ sở còn lại theo kế hoạch. Đồng thời trong năm 2024, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra nội dung phản ánh của người dân, báo chí³⁶; tiếp nhận xử lý 02 vụ việc phản ánh về ô nhiễm môi trường và chuyển tiếp cho UBND cấp huyện xử lý thông tin đường dây nóng theo thẩm quyền quy định và quy chế được ban hành kèm theo Quyết định số 174/QĐ-BTNMT ngày 24/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Ngoài ra, 9 tháng đầu năm 2024, Ban quản lý KKT tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được giao đã chủ trì và phối hợp kiểm tra về công tác BVMT tại 32 cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động tại KKT Vũng Áng, KKT cửa khẩu Quốc tế Cầu treo và KCN Gia Lách. UBND cấp huyện đã chủ trì, phối hợp kiểm tra tại 118 cơ sở sản xuất kinh doanh và xử phạt 01 đơn vị với tổng số tiền 285 triệu đồng theo thẩm quyền. Lực lượng Cảnh sát môi trường - Công an tỉnh đã phát hiện 232 vụ, 243 đối tượng vi phạm lĩnh vực môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm; ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 214 vụ, 219 đối tượng với tổng số tiền 1.2833.504.686 đồng³⁷.

4. Kết quả các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về BVMT:

³⁶ Phản ánh: Trang trại chăn nuôi lợn của ông Phan Công Vũ tại đội 2 thôn Đông Xuân, xã Kỳ Tây, huyện Kỳ Anh xả thải ra khe nước khu vực xung quanh làm cá chết; Tình trạng cơ sở thu mua cây keo của ông Hoàng Trọng Hùng, chuyên thu mua, vận chuyển các loại cây, sau đó cắt nhỏ vận chuyển đi tiêu thụ, trong quá trình hoạt động xả nước thải ra môi trường, bốc mùi hôi thối, xe cưa gỗ, xe vận chuyển gây tiếng ồn làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân trong vùng,...

³⁷ Theo báo cáo của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường - Công an tỉnh tại Văn bản số 890/CSKT-ĐT ngày 04/10/2024.

UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Tỉnh đoàn, UBND các địa phương tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, Ngày Đại dương thế giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam; Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn; phát động ra quân vệ sinh môi trường dịp Tết Nguyên Đán 2024; phối hợp với các tổ chức đoàn thể (Hội Liên hiệp phụ nữ, Tỉnh đoàn, Hội cựu chiến binh, Hội nông dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc,...) thực hiện tuyên truyền BVMT, xã hội hóa công tác BVMT trên địa bàn; phối hợp với Đài phát thanh và truyền hình Hà Tĩnh, Báo Hà Tĩnh thực hiện các chuyên đề truyền thông về BVMT. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 5392/BTNMT-KSONMT ngày 12/8/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Văn bản số 3712/STNMT-MT ngày 22/8/2024 truyền thông, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về BVMT trong công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt đến các sở, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã, Báo Hà Tĩnh, Đài phát thanh và truyền hình tỉnh và các địa phương. Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức tập huấn tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh, cho các đối tượng là đại diện lãnh đạo và cán bộ, công chức phụ trách tiêu chí môi trường cấp huyện, đại diện các tổ chức đoàn thể cấp huyện; cán bộ lãnh đạo, phụ trách tiêu chí môi trường cấp xã tại các huyện, thành phố, thị xã có xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu năm 2024; tổ chức 05 cuộc tập huấn tại 13 địa phương với khoảng 1500 lượt người tham gia. Phát động phong trào phòng chống rác thải nhựa, tại các địa phương đã thành lập hàng chục câu lạc bộ nói không với rác thải nhựa, thực hiện hàng trăm ngôi nhà xanh tại các nhà văn hoá thôn, tuyên truyền các mô hình “tái sử dụng túi ni lông” tại các chợ, siêu thị. Để thực hiện thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về BVMT, UBND cấp huyện đã ban hành các văn bản, kế hoạch tuyên truyền về phân loại rác tại nguồn, giảm thiểu rác thải nhựa và BVMT. Các tổ chức đoàn thể cấp huyện, đặc biệt là Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện chỉ đạo các cấp Hội vận động hội viên phụ nữ và Nhân dân thực hiện tốt cuộc vận động “5 không, 3 sạch” đã tổ chức các cuộc họp chuyên đề và lồng ghép sinh hoạt Chi hội phụ nữ để tuyên truyền về BVMT, phân loại rác tại hộ gia đình. Nhiều địa phương đã thực hiện các hoạt động ra quân dọn vệ sinh, thu gom chất thải có thể tái chế được từ các hoạt động sản xuất (chai lọ, lốp xe...) bán cho đơn vị thu gom phế liệu lấy kinh phí hỗ trợ cho các gia đình có điều kiện khó khăn, lan tỏa những hành động đẹp góp phần tích cực BVMT sống. Nhiều nơi đã lắp đặt hàng trăm pano, áp phích tuyên truyền về phân loại, xử lý rác thải, một số địa phương vẽ tranh bích họa, cổ động trên tường rào các cụm dân cư, trong hệ thống nhà trường. Thông qua việc tuyên truyền nhận thức về BVMT của cộng đồng dân cư đã từng bước được nâng cao.

IV. Hệ thống quan trắc môi trường

Thực hiện Luật bảo vệ môi trường, các văn bản hướng dẫn thi hành luật, UBND tỉnh đã có Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 ban hành quy chế quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (thay thế Quyết định số 3427/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của

UBND tỉnh), đến nay đã có 03 đơn vị³⁸ lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát. Sở Tài nguyên và Môi trường đã rà soát và ban hành các văn bản (số 1684/STNMT-MT ngày 28/04/2023 và số 1964/STNMT-MT ngày 08/05/2024) đề nghị các đối tượng thuộc diện phải thực hiện lắp đặt, kết nối truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát theo quy định, hoàn thành trước 31/12/2024. Đến nay có 06 đơn vị đã lắp đặt, trong đó: 05 đơn vị³⁹ đã hoàn thành việc lắp đặt, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản xác nhận việc hoàn thành lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục; có 01 đơn vị (KCN Phú Vinh) đã lắp đặt nhưng chưa kết nối do đang vướng về thủ tục đầu tư.

Mặt khác, thời gian qua Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 1307/QĐ-TTg ngày 03/9/2017, theo đó: Hợp phần 5 do Bộ Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư đã xây dựng, lắp đặt 08 trạm quan trắc không khí và nước biển ven bờ trên địa bàn tỉnh (Khu kinh tế Vũng Áng và khu vực phụ cận KKT Vũng Áng), hiện nay Bộ đang đánh giá kết quả thực hiện dự án; Hợp phần 1, do tỉnh Hà Tĩnh làm chủ đầu tư xây dựng 01 trạm quan trắc môi trường tự động quan trắc môi trường nước biển và 01 trạm quan trắc môi trường không khí xung quanh đặt tại KKT Vũng Áng (cạnh bờ rào FHS), dự án đã được Thủ tướng Chính phủ cho gia hạn đến tháng 12/2024, UBND tỉnh đang chỉ đạo Sở TN&MT cùng các sở ngành liên quan lập điều chỉnh dự án và thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

(Chi tiết các trạm quan trắc môi trường trên địa bàn tại Phụ lục IV kèm theo)

V. Điều kiện và nguồn lực về bảo vệ môi trường

1. Nguồn nhân lực

Về tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác BVMT:

- Ở cấp tỉnh, hiện nay Phòng Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường có 10 công chức, 100% công chức có trình độ đại học và trên đại học; Trung tâm Quan trắc TN&MT là đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực môi trường có 52 cán bộ viên chức, với trang thiết bị đang từng bước được đầu tư khá đồng bộ phục vụ công tác BVMT; Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban quản lý KKT tỉnh có 01 cán bộ chuyên môn nghiệp vụ về môi trường; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường - Công an tỉnh có 50 cán bộ thực hiện công tác phòng ngừa đấu tranh với tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu và môi trường.

- Ở cấp huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường của 13 huyện, thị xã, thành phố, mỗi đơn vị có 01- 02 cán bộ chuyên môn nghiệp vụ về môi trường. Cấp xã, hiện 216 xã, phường, thị trấn có cán bộ địa chính kiêm nhiệm công tác BVMT tại địa phương.

2. Nguồn lực tài chính

³⁸ Công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh, Công ty Điện lực dầu khí Hà Tĩnh, Công ty TNHH MTV Bía Sài Gòn - Hà Tĩnh

³⁹ Gồm: CCN Công Khánh 2, Nhà máy sản xuất pin Vines Vũng Áng, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy Bía - Sài Gòn Hà Tĩnh, Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh.

Theo dự toán Kinh phí sự nghiệp môi trường ước thực hiện năm 2024 là 133.573 triệu đồng⁴⁰ (tính đến tháng 10/2024 đã thực hiện 91.836 triệu đồng). Kinh phí sự nghiệp môi trường tập trung chủ yếu vào các nội dung như: chi thường xuyên sự nghiệp môi trường; chính sách hỗ trợ hoạt động BVMT; quan trắc chất lượng môi trường theo mạng lưới được duyệt; hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư; xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường; tuyên truyền, phổ biến pháp luật nâng cao nhận thức về BVMT; tổ chức các ngày lễ, chiến dịch về môi trường; thanh kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về môi trường,...

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường năm 2024:

- Về tỷ lệ che phủ rừng: Năm 2024 đạt 52% duy trì ổn định so với năm 2023.
- Về tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch ở nông thôn: Năm 2024 đạt 68,5% tăng 4,4% so với năm 2023 (64,1%).
- Về tỷ lệ dân cư được sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn: Năm 2024 đạt 100% duy trì ổn định so với năm 2023.
- Về tỷ lệ chất thải rắn được thu gom: Năm 2024, lượng CTR sinh hoạt được thu gom là 708,1 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 95,2% so với lượng CTR sinh hoạt phát sinh; trong số 708,1 tấn/ngày CTR sinh hoạt được thu gom, có 672,1 tấn/ngày xử lý đúng quy định⁴¹, đạt tỷ lệ 94,9% so với lượng CTR sinh hoạt thu gom, tăng 1,2% so với năm 2023 (93,7%), đạt tỷ lệ 90,4% so với lượng CTR sinh hoạt phát sinh (744,1 tấn/ngày); lượng rác còn lại chưa được thu gom là khoảng 4,8% và tỷ lệ rác được thu gom nhưng xử lý chưa đúng quy định (đốt và chôn lấp không đúng quy định tại các điểm trung chuyển) khoảng 5,4%.
- Về tỷ lệ chất thải rắn y tế nguy hại được xử lý đúng quy định: Năm 2024 đạt 100%, tăng 2% so với năm 2023 (98%).

* Ngoài ra một số chỉ tiêu môi trường vẫn còn ở tỷ lệ thấp:

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải:
 - + Tại các đô thị loại IV trở lên (thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh, thị xã Kỳ Anh) thì thị xã Hồng Lĩnh chỉ mới có công trình hồ điều hòa xử lý nước thải tập trung cho khu vực trung tâm; Đối với thành phố Hà Tĩnh, Dự án Nhà máy xử lý nước thải tại thành phố Hà Tĩnh đã được Hội đồng thẩm định cấp cơ sở họp xem xét, góp ý, nhưng hiện nay chưa phê duyệt thực hiện được. Đối với thị xã Kỳ Anh hiện nay đang triển khai dự án đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải với công suất 2000m³/ngày đêm cho xã Kỳ Hoa, phường Hưng Trí, phường Kỳ Trinh. Ngoài ra, tại huyện Hương Khê đang triển khai xây dựng hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải với công suất 1.500m³/ngày đêm (thuộc Dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hương Khê, huyện Hương Khê nguồn vốn AFD); huyện Thạch Hà đang triển khai dự án đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải với công suất 1.400m³/ngày đêm (Dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Thạch Hà, huyện Thạch Hà nguồn vốn AFD).

⁴⁰ Theo báo cáo của Sở Tài chính tại Văn bản số 4454/STC-HCSN ngày 04/10/2024.

⁴¹ Lượng CTR sinh hoạt thu gom, xử lý đúng quy định khoảng 672,1 tấn/ngày (trong đó, số được phân loại và tự xử lý tại hộ gia đình là 227 tấn, đạt 33,7%; số được xử lý tại các khu xử lý là 445,1 tấn) trên 708,1 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 94,9% so với lượng CTR sinh hoạt được thu gom

+ Tại các khu vực nông thôn: Theo tổng hợp báo cáo của các địa phương, có 17 mô hình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại 09 địa phương (Đức Thọ, Can Lộc, Lộc Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh, Nghi Xuân, Thạch Hà, thị xã Kỳ Anh và thị xã Hồng Lĩnh) và 92.319 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại hộ (bằng bể composite và bể lắng lọc bê tông 3 ngăn/3 bi) ở trên địa bàn 13/13 huyện, thị xã, thành phố; tổng toàn tỉnh có khoảng 99.592 hộ/372.346 hộ dân cư nông thôn có công trình thu gom, xử lý nước thải, chiếm 26,7%.

+ Tại các KCN, CCN: Trên địa bàn tỉnh hiện có 06 KCN, trong đó 03 KCN đã đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung, 03 KCN đang thực hiện đầu tư; có 18 CCN đã đi vào hoạt động, có 11 CCN đã và đang đầu tư hệ thống xử lý nước thải (đạt 61,11%). Các CCN còn lại đang khẩn trương rà soát, thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 2686/UBND-KT₁ ngày 15/5/2024.

(Chi tiết các chỉ tiêu tại Phụ lục I kèm theo)

VI. Đánh giá chung

1. Đánh giá kết quả đạt được

Nhìn chung trong những năm qua, công tác BVMT ngày càng được coi trọng, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đều thống nhất quan điểm chỉ đạo xuyên suốt “không đánh đổi môi trường lấy lợi ích kinh tế”. Nhận thức, ý thức BVMT của cộng đồng, người dân, doanh nghiệp ngày càng được nâng lên. Quá trình thẩm định chủ trương đầu tư các dự án luôn được xem xét phương án BVMT trong Dự án. Mạng lưới các hợp tác xã, tổ đội vệ sinh môi trường được phát triển, mở rộng góp phần đáng kể trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Bộ máy quản lý nhà nước trên lĩnh vực BVMT từng bước được hoàn thiện. Các dự án lớn đặc biệt là dự án Formosa được giám sát chặt chẽ, các cơ sở có quy mô xả thải lớn đã hoàn thành việc kết nối hệ thống quan trắc tự động, liên tục và truyền số liệu trực tiếp về Sở TN&MT để theo dõi giám sát. Qua đó, đã góp phần hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường trên địa bàn, giữ cân bằng sinh thái, bảo đảm chất lượng môi trường sống và sức khỏe của người dân, cộng đồng.

2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường đối với các nguồn thải như: nước thải khu vực đô thị, các khu dân cư tập trung, chất thải nguy hại từ các cơ sở sản xuất, dịch vụ quy mô nhỏ và từ các hộ gia đình, khí thải từ các phương tiện giao thông,... đang có nhiều khó khăn, bất cập, chưa hiệu quả.

- Hệ thống cơ sở dữ liệu về môi trường còn yếu, chưa xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu môi trường nền. Việc đánh giá nhanh cũng như theo dõi diễn biến chất lượng môi trường liên tục theo thời gian, không gian chưa đáp ứng được theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

- Nhiều KCN, CCN, làng nghề chưa đảm bảo yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật BVMT (chưa đầu tư xây dựng hạ tầng hoặc đã xây dựng nhưng chưa đầy đủ, đồng bộ, chưa tách riêng hệ thống thoát nước mưa với hệ thống thu gom, xử lý nước thải; chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung; chưa hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục và công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường...) dẫn đến vướng mắc trong thu hút các dự án đầu tư. Một số CCN

đã có hệ thống thu gom, xử lý nước thải nhưng đã xuống cấp, hư hỏng, hiệu quả xử lý không đạt yêu cầu (CCN Thạch Kim, CCN Trung Lương).

- Hầu hết các đô thị chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống thoát nước mưa còn chung với nước thải sinh hoạt (mới chỉ có thị xã Hồng Lĩnh có hệ thống thu gom về hồ điều hòa để xử lý một phần nước thải đô thị). Nước thải từ các khu dân cư nông thôn chủ yếu được thu gom về các vị trí theo quy hoạch nông thôn mới, tỷ lệ các hộ dân cư có công trình biện pháp thu gom xử lý phù hợp đang ở mức đạt 26,7% (trong khi mục tiêu đề ra trong Đề án thí điểm xây dựng tỉnh nông thôn mới là 35%).

- Nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chưa ưu tiên đầu tư công trình BVMT hoặc có đầu tư công trình BVMT nhưng vận hành không hiệu quả; vẫn còn nhiều đơn vị chưa thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo công tác BVMT định kỳ, chưa thực hiện lập hồ sơ môi trường theo quy định luật BVMT năm 2020,...

- Ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi nhất là các trang trại nuôi lợn tập trung đã, đang diễn ra và tiềm ẩn nhiều nơi; việc kiểm soát, xử lý môi trường trong chăn nuôi quy mô nông hộ đang khó khăn, chưa hiệu quả, gây ảnh hưởng đến môi trường và sinh hoạt của dân cư xung quanh. Tình trạng ô nhiễm môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản đang diễn ra khá phổ biến ở khu vực ven biển (nhiều cơ sở nuôi trồng thủy sản có lưu lượng xả thải lớn, nước ao nuôi qua ao lắng rồi xả thẳng ra sông, biển).

- Tình trạng lạm dụng các loại phân bón, thuốc BVTV trong hoạt động nông nghiệp (phát sinh vỏ bao gói, dư lượng thuốc gây ô nhiễm môi trường đất, nước mặt) và vấn đề ô nhiễm do chất độc hóa học tồn lưu tại một số điểm trong tỉnh chưa được xử lý.

3. Nguyên nhân

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về BVMT, pháp luật có liên quan và văn bản dưới luật còn bất cập, chậm ban hành, chưa đồng bộ,.. dẫn đến khó khăn trong tổ chức thực hiện.

- Đội ngũ cán bộ quản lý môi trường từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về BVMT trong giai đoạn hiện nay. Đặc biệt là ở cấp xã, hầu hết cán bộ môi trường đều là công chức địa chính hoặc nông nghiệp kiêm nhiệm, chưa được bố trí đúng chuyên môn, nghiệp vụ, nhiều xã công tác quản lý môi trường còn bỏ trống, dẫn đến khó khăn khi giải trong thực thi nhiệm vụ quản lý môi trường. Công tác phối hợp giữa các cơ quan trung ương, sở, ngành và địa phương liên quan còn bị động, chưa kịp thời, thiếu chặt chẽ.

- Việc phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường ở các cấp chưa đảm bảo, còn dàn trải, thiếu chi tiết, hiệu quả sử dụng chưa cao. Nguồn kinh phí bố trí hàng năm thấp, chưa đủ để đáp ứng xử lý các điểm nóng ô nhiễm môi trường (như xử lý tình trạng ô nhiễm asen trong nguồn nước sinh hoạt; xử lý các điểm tồn lưu hóa chất BVMT, xử lý, cải tạo, đóng cửa các bãi chôn lấp chất thải...); việc đầu tư hạ tầng BVMT cho các KCN, CCN, làng nghề, đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung..., bảo tồn hệ sinh thái và đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu chưa đảm bảo. Ở các địa phương kinh phí được bố trí chủ

yếu mới cho hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Quỹ BVMT chưa được ngân sách nhà nước cấp vốn điều lệ nên chưa thực hiện nhiệm vụ cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất, tài trợ theo điều lệ và quy định; quản lý, sử dụng nguồn tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản còn thiếu hiệu quả.

- Ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của một số người dân, doanh nghiệp, đơn vị còn hạn chế; nhiều doanh nghiệp chưa quan tâm đầu tư kinh phí xây dựng lắp đặt công trình thiết bị xử lý môi trường đảm bảo quy định.

- Việc phân loại, xử lý rác thải tại nguồn ở các địa phương triển khai còn hình thức, chưa đồng bộ. Việc phân loại, xử lý chất thải rắn tại nguồn vẫn chưa thành thói quen và chưa được duy trì thường xuyên; việc sử dụng các sản phẩm bằng nhựa dùng một lần còn phổ biến.

VII. Nhiệm vụ và giải pháp bảo vệ môi trường thời gian tới

1. Nhiệm vụ trọng tâm công tác bảo vệ môi trường năm 2025

- Tiếp tục rà soát, xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền tỉnh quy định chi tiết các nội dung được giao trong Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổ chức triển khai thực hiện Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo, trong đó tập trung chỉ đạo hoàn thiện hạ tầng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo Đề án được phê duyệt.

- Xây dựng và triển khai các mô hình BVMT (thu gom, phân loại, xử lý CTR sinh hoạt, nước thải sinh hoạt khu dân cư tập trung ...), mô hình tự quản ở địa phương nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về môi trường ở các cấp.

- Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí, Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh; Đề án kiểm soát ô nhiễm môi trường đối với các dự án có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao và Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải cấp tỉnh; xây dựng Báo cáo tổng quan hiện trạng môi trường tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2020-2025.

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, có giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, chấn chỉnh hoạt động BVMT trên địa bàn.

- Thực hiện Chương trình quan trắc và giám sát chất lượng môi trường theo mạng lưới được phê duyệt; Hoàn thành Hợp phần 1 - dự án “Xây dựng hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường biển 04 tỉnh miền Trung” do Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư.

2. Giải pháp về bảo vệ môi trường thời gian tới

- Tiếp tục, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác môi trường ở các cấp; đầu tư đầy đủ trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác quản lý nhà nước về BVMT phục vụ công tác thanh, kiểm tra, phát hiện vi phạm pháp luật về BVMT.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường nhằm nâng cao nhận thức về BVMT cho cán bộ, người dân và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về BVMT cho tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất,

kinh doanh dịch vụ trên địa bàn. Tiếp tục đẩy mạnh và đa dạng hóa công tác truyền thông, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa, thân thiện với môi trường, tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về BVMT; triển khai sâu rộng việc phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt tại nguồn, giảm thiểu rác thải nhựa, xử lý nước thải sinh hoạt tại hộ gia đình nhằm tăng tỷ lệ đạt tiêu chí môi trường trong xây dựng tỉnh nông thôn mới.

- Tăng cường tài chính, đầu tư cho BVMT; huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư cho BVMT. Trước mắt ưu tiên xử lý các điểm nóng có nguy cơ ô nhiễm môi trường; đầu tư hạ tầng BVMT như hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung của các khu đô thị, hạ tầng BVMT các KCN, CCN, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố gắn với nội dung yêu cầu tỉnh đạt chuẩn NTM vào năm 2025.

- Tăng cường công tác rà soát, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, KCN, CCN trên địa bàn tỉnh, tập trung vào các dự án, cơ sở có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao, các dự án có nguồn thải lớn như dự án Formosa, Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh và Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2 (dự kiến vận hành thương mại năm 2025).

- Tìm hiểu nghiên cứu ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ tiên tiến vào BVMT nhằm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, ưu tiên phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, giảm lượng chất thải phát sinh, giảm phát thải khí nhà kính; thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh.

- Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về lĩnh vực môi trường, biến đổi khí hậu; tranh thủ tối đa nguồn hỗ trợ tài chính, kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế về BVMT.

VIII. Đề xuất, kiến nghị

1. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ ngành liên quan:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT; Ban hành kịp thời định mức kinh tế kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và hướng dẫn phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan để địa phương có căn cứ thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về BVMT đối với các tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh do Bộ/ cơ quan ngang Bộ đã thẩm định phê duyệt nói chung và dự án Formosa nói riêng.

- Tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ bố trí kinh phí từ ngân sách Trung ương để triển khai các dự án xử lý thuốc BVTV tồn lưu. Hỗ trợ kinh phí triển khai các dự án về đa dạng sinh học theo quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt. Tạo điều kiện cho tỉnh Hà Tĩnh được tham gia các dự án quốc tế trên lĩnh vực BVMT gắn với ứng phó biến đổi khí hậu.

- Hoàn thành các trạm quan trắc tự động, liên tục của Hợp phần dự án xây dựng hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường biển 04 tỉnh miền Trung theo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 1307/QĐ-TTg ngày 03/9/2017 của

Thủ tướng Chính phủ để đưa vào quản lý vận hành cung cấp thông tin dữ liệu quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Đề đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả, tiết kiệm ngân sách nhà nước; phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn tỉnh và đảm bảo việc kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia, đề nghị Bộ hỗ trợ chuyển giao hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu môi trường đang vận hành, khai thác của Bộ hoặc nghiên cứu xây dựng phần mềm dùng chung đối với cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh và có cơ chế chuyển giao cho các địa phương sử dụng (số hóa, nhập dữ liệu và khai thác các tính năng của phần mềm,...).

- Hướng dẫn cụ thể, cơ sở xác định tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh để từ đó các địa phương có căn cứ xác định tỷ chất thải nhựa được thu gom, tái chế, tái sử dụng, xử lý đúng quy định; tổ chức triển khai thực hiện các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt cụm dân cư theo Thông báo số 47/TB-BTNMT ngày 04/6/2021 và nội dung Văn bản số 2310/BTNMT-KSONMT ngày 11/4/2024 của Bộ TN&MT.

2. Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh:

Ưu tiên phân bổ nguồn kinh phí cho các nội dung sau:

- Đầu tư hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, trước mắt cho các khu đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư hạ tầng BVMT (khu xử lý nước thải tập trung, khu tập kết chất thải rắn) cho các khu công nghiệp, CCN, làng nghề do nhà nước làm chủ đầu tư.

- Đóng cửa, cải tạo các bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt đã hết sức chứa hoặc đã ngừng hoạt động nhưng chưa đóng cửa (như bãi rác Thiên Cầm; bãi rác Phượng Thành, bãi rác Phù Việt...).

Với nội dung trên, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh, các Phó VP tỉnh;
- Lưu: VT, NL₃.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh

PHỤ LỤC I
TỔNG HỢP KẾT QUẢ VÀ DỰ KIẾN THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Ước thực hiện năm 2024	Dự kiến kế hoạch năm 2025
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	Ổn định trên 52%	Ổn định trên 52%	Ổn định trên 52%
2	Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch ở nông thôn ⁴²	%	64,1	68,5	71,5
3	Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn	%	100	100	100
4	Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch ở đô thị ⁴³	%	85,2	86,9	88
5	Tỷ lệ khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải, chất thải đạt tiêu chuẩn quy định ⁴⁴	%	38,9	56,25	62,5
6	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom	%	93,7	94,9	95
7	Tỷ lệ chất thải rắn y tế nguy hại được xử lý theo đúng quy định	%	98	100	100
8	Kinh phí chi sự nghiệp môi trường ⁴⁵	Triệu đồng	161.219	133.573	133.573

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

⁴² Theo báo cáo của Sở NN&PTNT tại Văn bản 3202/SNN-KHTC ngày 04/10/2024.

⁴³ Theo báo cáo của Sở Xây dựng tại Văn bản 3288/SXD-QHKT1 ngày 10/10/2024.

⁴⁴ Theo báo cáo của Sở Xây dựng tại Văn bản 3288/SXD-QHKT1 ngày 10/10/2024.

⁴⁵ Theo báo cáo của Sở Tài chính tại Văn bản số 4454/STC-HCSN ngày 04/10/2024.

Phụ lục II
CÁC KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Bảng 1. Danh mục các khu kinh tế trên địa bàn

TT	Tên khu kinh tế (năm thành lập)	Địa chỉ	Tổng diện tích (ha)	Tình trạng hoạt động (đang xây dựng/đang hoạt động)	Các cơ sở trong KKT	Số lượng dự án thứ cấp đang hoạt động	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Hệ thống thu gom nước mưa (có/không)	Xử lý nước thải			Xử lý khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Tỷ lệ cây xanh
									Tổng lượng nước thải phát sinh (thực tế) (m ³ /ngđ)	Công suất thiết kế của HTXLNT (m ³ /ngđ)	Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /giờ)	Hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
I	KKT VŨNG ANH (2006)	TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	22.781	Đang hoạt động	79		58	Chưa hoàn thiện	573.815	-	-	13,4 triệu	-	1095	5.840.150	5.475.210		34,7
1				Đang hoạt động	KCN Vũng Anh 1	10	95	Có	88	1000	Lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra; PH; nhiệt độ; TSS; COD; Amoni	-	-	222	182.479	4.319	Có	10,3
2				Đang hoạt động	KCN Phú Vinh	2	8,57	Có	7	1500	Có	-	-	16	1.736	3.054	Có	12,1
3				Đang xây dựng	KCN Hoàng Sơn	0	0	có	0	840	-	-	-	-	-	-	-	9,42
4				Chưa xây dựng	KCN Vinhomes Vũng Anh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	KKT Cửa khẩu Quốc tế	Huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	56.685	Đang hoạt động	13		29,8	Chưa hoàn thiện	467	-	-	-	-	25	380.060	367.070	-	14,1

Bảng 3. Danh mục các cụm công nghiệp đang hoạt động

TT	Tên CCN đang hoạt động	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư quản lý/kinh doanh hạ tầng	Số lượng dự án thứ cấp	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Hệ thống thu gom nước mưa (có/không)	Xử lý nước thải			Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Tỷ lệ cây xanh
								Tổng lượng nước thải phát sinh (thực tế) (m ³ /ngđ)	Công suất thiết kế của HTXLNT (m ³ /ngđ)	Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	CCN Thạch Đồng	Xã Đồng Môn, TP Hà Tĩnh	4,52	UBND thành phố Hà Tĩnh	6	52,7	Có	3	47,73 (*)	Không	4,5	4,3	0,03	Không	10%
2	CCN Trung Lương	Phường Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh	26,47	UBND thị xã Hồng Lĩnh	18	31,5	Có	58,6	259	Không	40,3	60,4	0,08	Không	10%
3	CCN Nam Hồng	Phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh	42,92	UBND thị xã Hồng Lĩnh	15	100	Có	124,7	1350	Không	47,6	6400	0	Không	57%
4	CCN Trường Sơn	Xã Trường Sơn, huyện Đức Thọ	4,2	UBND huyện Đức Thọ	8	34,7	Phần diện tích đã cho thuê đã có; phần diện tích còn lại chưa xây dựng hạ tầng	3,05	150	Không	4,015	7,738	401,5	Không	34,1%
5	CCN Khe Cò	Xã Sơn Lễ, huyện Hương Sơn	18,23	UBND huyện Hương Sơn	5	65,5	Phần diện tích đã cho thuê đã có; phần diện tích còn lại chưa xây dựng hạ tầng	50	300	Không	4	0	0	Không	30%
6	CCN Gia Phố	Xã Gia Phố, huyện Hương Khê	11,07	UBND huyện Hương Khê	2	66,6	Không	-	239 (*)	Không	-	-	-	Không	-
7	CCN Phù Việt	Xã Việt Tiến, huyện Thạch Hà	39,39	UBND huyện Thạch Hà	12	49,7	Có	19,4	416 (*)	Không	34,2	42,1	2,8	Không	-

8	CCN Bắc Cẩm Xuyên	Xã Cẩm Vĩnh, huyện Cẩm Xuyên	51,05	UBND huyện Cẩm Xuyên	14	84,8	Có	91,2	2100	Không	134	204	5	Không	10%
9	CCN Kỳ Ninh	Xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh	4,4	UBND thị xã Kỳ Anh	1	45,6	Có	1	95 (*)	Không	2	5	0,3	Không	-
10	CCN huyện Vũ Quang	Xã Thọ Điền, huyện Vũ Quang	42,17	UBND huyện Vũ Quang	1	79,8	Phần diện tích đã cho thuê đã có; phần diện tích còn lại chưa xây dựng hạ tầng	234,3	591	Không	40	108	0,16	Không	-
11	CCN chế biến thủy hải sản Thạch Kim	Xã Thạch Kim, huyện Lộc Hà	5,33	Ban Quản lý CCN huyện Lộc Hà (thuộc UBND huyện Lộc Hà)	63	95,2	có	50	164	Không	45	500	100	Không	10
12	CCN Công Khánh 2	Phường Đâu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh	35,06	Công ty CP Tập đoàn Hoành Sơn	1	53,08	Phần diện tích đã cho dự án thuê đã có; phần diện tích còn lại đang xây dựng hạ tầng	400	2000	Lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra, nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni	20	10.000	5000	Có	10%
13	CCN Thái Yên	Xã Thái Yên, huyện Đức Thọ	21,03	Công ty CP Đầu tư IDI	122	Phần cũ: 100%; Phần mở rộng: 70,92%	Phần cũ: có; Phần mở rộng: đang xây dựng	10,15	160	Không	11,132	159,213	2,701	Không	15%
14	CCN huyện Đức Thọ	Xã Tùng Ảnh và xã Tân Dân, huyện Đức Thọ	68,23	Công ty CP Đầu tư GS Miền Trung	3	19,35	Phần diện tích đã cho 3 dự án thuê đã có; phần diện tích còn lại đang xây dựng hạ tầng	124,6	1000	Không	59,495	14,6	2,299	Không	15%
15	CCN huyện	Xã Thiên Lộc và thị trấn	24,45	Công ty CP Đầu tư Tân	3	19,35	Phần diện tích đã cho thuê đã có;	1,5	282	Không	5	30	0,2	Không	-

	Can Lộc	Can Lộc, huyện Can Lộc		Hà Đô			phần diện tích còn lại chưa xây dựng hạ tầng								
16	CCN Yên Huy	Xã Khánh Vĩnh Yên, huyện Can Lộc	11,69	Công ty TNHH Yên Huy	39	38,6	Có	5	200	Không	21,9	58	1,3	Không	10%
17	CCN Kỳ Hung	Phường Hung Trí, thị xã Kỳ Anh	52,73	Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Lợi Châu	3	11,07	Có	0,75	600	Không	1,5	1	0,1	Không	10%
18	CCN Xuân Lĩnh	Xã Xuân Lĩnh, huyện Nghị Xuân	22,38	Công ty TNHH Thanh Thành Đạt	4	66,73	Có	50	250	Không	40	11106	300	Không	14,8%

Ghi chú:

- Công suất thiết kế HTXLNT ($m^3/ngđ$) của các CCN được tổng hợp từ số liệu Báo cáo ĐTM, đề án BVMT chi tiết và Báo cáo xả nước thải của các CCN. Những CCN không có số liệu về công suất thiết kế HTXLNT (*) Lưu lượng thiết kế được tính toán theo TCVN 33:2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế. Lượng nước thải ở CCN tính bằng 80% theo lượng nước cấp.

Phụ lục III

DANH MỤC SỐ LƯỢNG VÀ DIỆN TÍCH DI SẢN THIÊN NHIÊN, KHU BẢO TỒN, HÀNH LANG ĐA DẠNG SINH HỌC, CƠ SỞ BẢO TỒN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Khu bảo tồn		Di sản thiên nhiên		Hành lang đa dạng sinh học		Cơ sở bảo tồn	
	Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Toàn tỉnh	2		01		0	0	02	
Huyện Vũ Quang	01	57.030					01	03
Huyện Cẩm Xuyên	01	41.607						

Thị xã Hồng Lĩnh			01 Danh thắng	Chưa thống kê				
------------------	--	--	---------------	---------------	--	--	--	--

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục IV
TỔNG HỢP CÁC TRẠM QUAN TRẮC TRÊN TOÀN TỈNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên trạm	Địa chỉ	Loại quan trắc (không khí/nước/phóng xạ/đa dạng sinh học/...)	Số trạm/vị trí quan trắc	
				Quan trắc thủ công	Quan trắc tự động
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Thị xã Kỳ Anh	Nước thải trước khi đổ ra biển	Khu kinh tế Vũng Áng, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh	Nước thải		x
	Nước thải công nghiệp				x

TT	Tên trạm	Địa chỉ	Loại quan trắc (không khí/nước/phóng xạ/đa dạng sinh học/...)	Số trạm/vị trí quan trắc	
				Quan trắc thủ công	Quan trắc tự động
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Nước thải sinh hoạt				x
	Nước thải sinh hóa				x
Thị xã Kỳ Anh	Lò cao 1	Khu kinh tế Vũng Áng, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh	Khí thải		x
	Lò cao 2				x
	Luyện Cốc 1				x
	Luyện Cốc 2				x
	Lò cốc khô 1				x
	Lò cốc khô 2				x
	Thiêu Kết 1				x
	Thiêu kết 2				x
	Lò Cán nóng 1				x
	Lò Cán nóng 2				x
	Lò Cán nóng 3				x
	Lò Cán nóng 4				x
	Lò Vôi 1				x
	Lò Vôi 2				x
	Lò Cán tốc độ cao				x
	Lò Cán phức hợp				x
Thị xã Kỳ Anh	Lò Cán dây	Khu kinh tế Vũng Áng, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh	Khí thải		x
	Nhiệt điện lò khí 1				x
	Nhiệt điện lò khí 2				x
	Nhiệt điện lò than 1				x

TT	Tên trạm	Địa chỉ	Loại quan trắc (không khí/nước/phóng xạ/đa dạng sinh học/...)	Số trạm/vị trí quan trắc	
				Quan trắc thủ công	Quan trắc tự động
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Nhiệt điện lò than 2				x
	Nhiệt điện lò than 3				x
Thị xã Kỳ Anh	Nước thải Nhiệt điện Vũng Áng 1	Xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh	Nước thải		x
	Nước làm mát Nhiệt Điện Vũng Áng 1				x
	Vũng Áng khí thải 1		Khí thải		x
	Vũng Áng khí thải 2				x
Thị xã Kỳ Anh	Nước thải Pinvines	Khu kinh tế Vũng Áng, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh	Nước thải		x
Huyện Thạch Hà	Nước thải Bia Sài Gòn	Km 12 đường tránh thành phố Hà Tĩnh, xã Tân Lâm Hương, huyện Thạch Hà	Nước thải		x
Thị xã Hồng Lĩnh	Nước thải CCN Cổng Khánh 2	Phường Đâu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	Nước thải		x

UBND TỈNH HÀ TĨNH